

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/LĐ-PT

Ngày 17/9/2025

V/v “ Tranh chấp về bồi thường thiệt hại,
trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động ”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hoà Hiệp

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoàng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 07/2025/TLPT-LĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 về “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/LĐ-ST ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 368/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1114/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu C, sinh năm 1978; vắng mặt;

Địa chỉ: Số F, ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long);

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vương Đình T, sinh năm 1980; có mặt;

Địa chỉ: Tầng D, Tòa nhà L, Số D, đường N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh);

- Bị đơn: Công ty B.BHD

Địa chỉ: Bayan Lepas Free I, 11900 B, P, Malaysia;

Văn phòng đại diện Công ty B.BHD tại Hà Nội; vắng mặt.

Địa chỉ: Số A, đường L, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là phường Ô, thành phố Hà Nội);

Người đại diện theo ủy quyền bị đơn: Chị Phan Ngọc D, sinh năm 1992; có mặt;

Địa chỉ: T, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là phường V, tỉnh Phú Thọ).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bảo hiểm xã hội quận Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt;

Địa chỉ: Số D, đường T, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là phường V - Q, thành phố Hà Nội);

2. Bảo hiểm xã hội thành phố H; có yêu cầu giải quyết vắng mặt;

Địa chỉ: Số A, phố C, phường H, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường K, thành phố Hà Nội);

3. Bảo hiểm xã hội Thành phố H;

Địa chỉ: Số A, đường N, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh);

Người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội Thành phố H: Bà Trần Lê Ánh N, sinh năm 1983 - Chuyên viên Phòng Quản lý thu sổ, thẻ trực thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H; có yêu cầu giải quyết vắng mặt;

Địa chỉ: Số B đường Đ, phường Đ, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh);

- *Người kháng cáo:* Văn phòng đại diện Công ty B.BHD tại Hà Nội là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu C và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Phạm Thị Thu C làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn B Chi nhánh Thành phố H từ ngày 01/6/2009 đến ngày 31/12/2012. Sau đó, bà C làm việc tại Văn phòng đại diện B.BHD tại Hà Nội (Văn phòng đại diện). Đến ngày 06/01/2020, bà C ký hợp đồng lao động với Văn phòng đại diện, loại hợp đồng không xác định thời hạn, làm việc tại Văn phòng đại diện B.BHD tại Hà Nội, công việc của bà C là tư vấn sản phẩm tại các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Long An với mức lương hàng tháng

10.003.000 đồng.

Ngày 15/02/2021, bà C làm đơn xin nghỉ việc và được Văn phòng đại diện ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 31/3/2021. Tuy nhiên, Văn phòng đại diện không giao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và không chốt sổ bảo hiểm xã hội giao cho bà C. Bà C nhiều lần gửi tin nhắn qua email cũng như gọi điện cho cán bộ phụ trách là bà Nguyễn Thu T1 và ông Tống Văn T2 yêu cầu trao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà để bà làm thủ tục hưởng trợ cấp thất nghiệp nhưng không được giải quyết.

Đến ngày 17/02/2022, gần 12 tháng kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động, bà C mới nhận được quyết định chấm dứt hợp đồng lao động qua chuyển phát nhanh ghi ngày 15/02/2022. Ngày 23/3/2022, bà C nhận được sổ bảo hiểm xã hội qua chuyển phát nhanh. Ngày 15/6/2022, bà C nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp nhưng không được chấp nhận do bà C nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp không đúng hạn.

Sau khi chấm dứt hợp đồng lao động đến nay bà C vẫn chưa có việc làm. Theo khoản 1 Điều 46 Luật Việc làm năm 2013 quy định về hưởng trợ cấp thất nghiệp thì trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc, người lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Trung tâm dịch vụ việc làm do cơ quan quản lý Nhà nước về việc làm thành lập; Điều 16, 17 Nghị định 28/2015/NĐ-CP quy định hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp gồm: Đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp theo mẫu, giấy tờ xác nhận việc chấm dứt hợp đồng lao động, sổ bảo hiểm xã hội; Điểm a khoản 3 Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định khi chấm dứt hợp đồng lao động thì người sử dụng lao động có trách nhiệm hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và trả lại cùng với bản chính giấy tờ khác nếu người sử dụng lao động đã giữ của người lao động. Như vậy, việc bà C không hưởng trợ cấp thất nghiệp là do không có đủ hồ sơ theo quy định để nộp, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của bà C.

Do đó, bà C yêu cầu Công ty B.BHD có Văn phòng đại diện tại thành phố Hà Nội phải bồi thường thiệt hại cho bà C khoản tiền trợ cấp thất nghiệp mà bà C không được hưởng do lỗi của Công ty tạm tính là 10.000.000 đồng x 60% x 12 tháng = 72.000.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn Công ty B.BHD có Văn phòng đại diện tại thành phố Hà Nội trình bày:

Bà C bắt đầu làm việc tại Văn phòng Đ SDN.BHD tại thành phố Hà Nội từ ngày 01/02/2012 cho đến ngày nghỉ việc là 30/3/2021 (09 năm 02 tháng). Sau khi chấm dứt hợp đồng lao động với bà C, bị đơn đã thanh toán đầy đủ các quyền lợi, lương thưởng, trợ cấp theo quy định của pháp luật và bà C không có yêu cầu hay khiếu nại gì về việc này. Bà C làm tờ khai xin chốt sổ BHXH với Văn phòng đại diện cho giai đoạn từ ngày 01/02/2012 đến hết tháng 3/2021. Trước đó, bà C đã làm việc tại Nhà thuốc H (Bến Tre) đến tháng 6/2009 và làm việc cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn B Chi nhánh Thành phố H từ tháng 7/2009 đến ngày 31/12/2012.

Về việc chậm trả số BHXH cho nguyên đơn, bị đơn không giữ sổ BHXH, không gây ra việc chậm trễ trong việc chốt và trả sổ BHXH. Căn cứ vào các tài liệu: Tờ khai

tham gia, điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội (BHXH) ngày 14/4/2021 do bà C trực tiếp kê khai với yêu cầu “giảm trùng tháng 6/2009, cấp lại sổ BHXH và chốt sổ”; giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả do BHXH quận Đ tiếp nhận ngày 19/4/2021, hẹn trả ngày 06/5/2021 với tên người nộp là Văn phòng đại diện BMI, số hồ sơ 55379.BD/2021/00106 thì thực tế vào thời điểm chốt sổ, bà C có nhiều sổ BHXH và có thời gian bị đóng trùng BHXH với đơn vị cũ là Nhà thuốc H (Bến Tre) tháng 6/2009, trùng với thời gian làm việc cho Công ty B chi nhánh Thành phố H. Do vậy, việc thực hiện chốt sổ BHXH cho bà C gặp nhiều khó khăn, hồ sơ bị trả lại rất nhiều lần để sửa đổi, bổ sung bởi nhiều cơ quan BHXH có liên quan như Bến Tre, Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Thông báo số 80550/2021/00106/TBBHXH ngày 06/5/2021 BHXH quận Đ đã từ chối giải quyết hồ sơ của bà C. Văn phòng đại diện đã chủ động trong việc giải quyết BHXH ngay sau khi kết thúc hợp đồng lao động với bà C, hỗ trợ bà C liên hệ làm việc với các cơ quan liên quan nhưng vẫn không giải quyết sớm hơn được. Ngoài ra, vào thời gian thực hiện thủ tục là tháng 3/2021 khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát phải thực hiện giãn cách xã hội, trong khi việc chốt sổ BHXH cần phải phối hợp ở 03 địa phương nơi đóng BHXH là Bến Tre, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh nên hoàn toàn phụ thuộc vào các cơ quan BHXH.

Ngay sau khi Văn phòng BHXH Thành phố H bàn giao tờ rời BHXH theo biên bản ngày 11/02/2022 cho Chi nhánh Công ty TNHH B tại Thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng đại diện mới có căn cứ thực hiện chốt sổ cho bà C và lập tức làm việc ngay với BHXH quận Đ, thành phố Hà Nội. Ngày 03/3/2022, BHXH quận Đ, thành phố Hà Nội đã cấp tờ rời chốt sổ cho thời gian làm việc 09 năm 02 tháng của bà C tại Văn phòng đại diện. Sau khi nhận được sổ BHXH cấp lần 2 và tờ rời chốt sổ từ BHXH quận Đ, thành phố Hà Nội Văn phòng đại diện đã gửi cho bà C nhận ngày 23/3/2022.

Tất cả các vấn đề vướng mắc liên quan đến việc thực hiện chốt sổ BHXH cho bà C đều được Văn phòng đại diện tham gia như ký đơn, tờ khai trình bày... cho nên không thể cho rằng Văn phòng đại diện có lỗi dẫn đến phát sinh trách nhiệm bồi thường. Bên cạnh đó, bà C yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại dựa trên giả định là nguyên đơn bị mất đi khoản trợ cấp thất nghiệp có thể được hưởng sau khi kết thúc hợp đồng lao động tại Văn phòng đại diện. Trong khi đó, căn cứ khoản 1 Điều 45 Luật Việc làm năm 2013, quyền lợi về bảo hiểm thất nghiệp được cộng dồn để tiếp tục trợ cấp thất nghiệp, không bị mất đi. Như vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại trên cơ sở tạm tính đối với khoản trợ cấp thất nghiệp chưa bị mất đi là chưa đủ căn cứ để xác định có thiệt hại và phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 584, Điều 585 Chương XX Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì vậy, bị đơn nhận thấy nguyên đơn không đưa ra được căn cứ pháp lý chứng minh cho việc bị đơn có vi phạm nghĩa vụ dẫn đến phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn. Bị đơn cho rằng yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn là chưa đủ cơ sở và không có căn cứ. Theo đó, bị đơn đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan BHXH thành phố H trình bày:

Bà C không có tham gia đóng BHXH tại BHXH Thành phố H, nên không có tài liệu chứng cứ để cung cấp cho Tòa án và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan BHXH quận Đ, Thành phố Hà Nội trình bày:

Bà C có thời gian tham gia đóng BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp tại quận Đ từ tháng 12/2012 đến tháng 3/2021 với tư cách là người tư vấn sản phẩm thuộc Văn phòng Đ.BHD tại Thành phố Hà Nội.

Ngày 19/4/2021, Văn phòng đại diện B SDN.BHD tại thành phố Hà Nội có gửi hồ sơ gồm: 01 mẫu TK1-TS đề nghị cấp lại sổ BHXH do mất, chót sổ cho bà C. BHXH quận Đ đã tiếp nhận với mã hồ sơ 55379.BD/2021/01006. Trong quá trình thụ lý hồ sơ, cán bộ nghiệp vụ chưa thể giải quyết đề nghị của bà C vì trên phần mềm dữ liệu quản lý cho thấy bà C có 03 sổ BHXH (theo quy định mỗi người chỉ có 01 sổ BHXH) và bị đóng trùng quá trình tham gia BHXH (trong đó có 02 sổ BHXH đóng trùng BHXH và đã thanh toán BHXH 01 lần cả quá trình đóng trùng). Vì vậy, cán bộ nghiệp vụ không thể xử lý được. Do đó, ngày 06/5/2021, BHXH quận Đ đã từ chối giải quyết hồ sơ của bà C.

Đến ngày 23/02/2022, BHXH quận Đ nhận được 01 sổ BHXH của bà C đề nghị xác nhận chót sổ BHXH, BHXH quận Đ đã chót sổ BHXH, xác nhận quá trình đóng BHXH, bảo hiểm thất nghiệp. Ngày 03/3/2022, BHXH quận Đ đã gửi trả kết quả gồm 01 sổ BHXH cho bà C thông qua Văn phòng đại diện.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan BHXH Thành phố H trình bày:

Bà C có tham gia BHXH, bảo hiểm thất nghiệp tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn B tại Thành phố Hồ Chí Minh, mã số BHXH 830800222, thời gian tham gia từ tháng 07/2009 đến tháng 12/2011. Thời gian tham gia BHXH trên đã được bà C hưởng trợ cấp BHXH 01 lần theo Quyết định số 1339 ngày 23/6/2023 của BHXH tỉnh B.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện, ông T trình bày: Theo đơn khởi kiện, bà C yêu cầu được bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp trong thời gian 12 tháng, tuy nhiên qua diễn biến tại phiên tòa, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại tương ứng với thời gian thực tế mà bà C đã đóng bảo hiểm thất nghiệp là 10 năm 10 tháng. Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, bởi vì bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội, khoản 1 Điều 46 Luật Việc làm, Điều 16, 17 Nghị định 28/2015/NĐ-CP dẫn đến việc bà C không được hưởng bảo hiểm thất nghiệp do không đầy đủ hồ sơ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, chị D trình bày: Bị đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày theo các bản trình bày ý kiến, do bị đơn không có giữ sổ BHXH của bà C, không chậm trễ trong việc giao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và sổ BHXH nên không đồng ý bồi

thường. Bị đơn đã chủ động trong việc thực hiện các thủ tục nộp hồ sơ chốt sổ BHXH tại BHXH quận Đống Đa theo đúng quy định. Tuy nhiên, sổ bảo hiểm của nguyên đơn có nhiều vấn đề, trùng thời gian đóng bảo hiểm ở đơn vị cũ, có đến 03 sổ BHXH, bị mất sổ do đó có nhiều yêu cầu từ các cơ quan BHXH tại nhiều địa phương. Đồng thời, tình hình dịch bệnh Covid đã ảnh hưởng đến quá trình làm việc của các cơ quan bảo hiểm nên quá trình chốt sổ bị chậm. Ngoài ra, bảo hiểm thất nghiệp sẽ được cộng dồn vào lần sau nếu nguyên đơn đáp ứng các yêu cầu theo quy định, không bị mất đi nên yêu cầu bồi thường của nguyên đơn là chưa đủ căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án lao động sơ thẩm số 01/2024/HNGĐ-ST ngày 27/5/2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 2025/2024/QĐ-SCBSBA ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu C đối với bị đơn Công ty B.BHD có Văn phòng đại diện Công ty B.BHD tại Hà Nội.

Buộc Công ty B.BHD có Văn phòng đại diện Công ty B SDN.BHD tại Hà Nội có nghĩa vụ bồi thường cho bà Phạm Thị Thu C số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 13/6/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre nhận được đơn kháng cáo của Văn phòng đại diện Công ty B.BHD tại Hà Nội kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án, không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Phan Ngọc D đại diện Văn phòng đại diện Công ty B.BHD tại Hà Nội là bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Chị Phan Ngọc D đại diện bị đơn trình bày: Phía nguyên đơn xác định bị đơn hoàn thành thanh toán theo khoản 1 Điều 48 Bộ luật Lao động, không có yêu cầu thêm. Khoản 5 Điều 21 Luật BHXH về thời hạn chốt sổ, trả sổ thì bị đơn không có yêu cầu thời hạn giải quyết, dựa vào thời hạn của BHXH trả sổ. Khoản 3 Điều 48 Bộ luật Lao động thì bị đơn hoàn thành nghĩa vụ của mình, gửi sổ lên BHXH quận Đ. Bị đơn hoàn thành trách nhiệm của mình. Công ty đã nộp hồ sơ chốt sổ, bảo hiểm từ chối.

Ông T đại diện cho nguyên đơn trình bày: Công ty là Tập đoàn nước ngoài. Bà chung có con nhỏ, hoàn cảnh khó khăn. Kháng cáo của bị đơn không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ y án sơ thẩm. Bị đơn không cung cấp thêm tài liệu gì để chứng minh lỗi do yếu tố khách quan, tích cực làm, lỗi do các cơ quan bảo hiểm. Bị đơn cho rằng không vi phạm Bộ luật Lao động nhưng không giao Quyết định nghỉ việc cho bà C là không đúng. Trong đơn kháng cáo của bị đơn, khi có từ chối bảo hiểm, từ lúc đó nguyên đơn gửi email, năn nỉ, bị đơn không có tài liệu chứng minh làm việc với cơ quan có liên quan. Sau thời hạn quá hạn, bị đơn tiến hành thủ

tục. Trong vòng có mấy ngày, BHXH đã làm xong, khoảng 15 ngày. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm.

Chị Phan Ngọc D đại diện bị đơn trình bày: Sau ngày 06/5, bảo hiểm từ chối. Bị đơn không có trách nhiệm. Theo BHXH Thành phố H và các đơn vị cũ, trình bày gây hiểu lầm. Việc nhận sổ và chốt sổ BHXH không phải trách nhiệm của bị đơn. Xác định lỗi của bị đơn chưa phù hợp. Công văn 803 của BHXH quận Đ không thể xử lý đơn của bà C. Bị đơn chỉ đóng vai trò ở giữa. Bị đơn cũng tác động giải quyết sổ BHXH liên quan đến bảo hiểm thất nghiệp. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Công văn của Trung tâm việc làm chính sách của tỉnh Bến Tre, phải tiếp nhận hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận. Bị đơn căn cứ theo Luật BHXH thì sổ tiền không bị mất mà cộng dồn. Nguyên đơn được bảo lưu, được hưởng tiếp khi có việc làm.

Ông T đại diện cho nguyên đơn trình bày: Đơn kháng cáo của bị đơn tích cực giúp nguyên đơn không đúng. Bị đơn không liên hệ BHXH Bến Tre cộng sổ. Việc cộng dồn không hợp lý. Bảo hiểm thất nghiệp hỗ trợ trong thời gian thất nghiệp. Trình bày của bị đơn không đúng, ý kiến vô trách nhiệm, người lao động không có việc làm.

Chị Phan Ngọc D đại diện bị đơn trình bày: Nguyên đơn nghỉ trên 01 năm, nguyên đơn hưởng BHXH một lần, không thể nói khó khăn khi nghỉ việc. BHXH thất nghiệp được cộng dồn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng cáo của Văn phòng đại diện Công ty B SDN.BHD tại Hà Nội là bị đơn:

Cả hai bên đều trình bày thống nhất bà C làm việc tại Văn phòng đại diện và đóng BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp tại bảo hiểm xã hội quận Đ Hà Nội từ ngày 01/02/2012 đến ngày 30/3/2021. Đến ngày 17/02/2021, bà C có đơn xin nghỉ việc và được Văn phòng đại diện đồng ý quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà C từ ngày 30/3/2021. Hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Bộ luật Lao động năm 2019. Theo điểm a khoản 3 Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2019 người sử dụng lao động có trách nhiệm “a. Hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và trả lại cùng với bản chính giấy tờ khác nếu người sử dụng lao động đã giữ của người lao động;”. Về thời gian chốt sổ BHXH, theo khoản 1 Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: “Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động, hai bên có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản tiền có liên quan đến quyền lợi của mỗi bên”. Theo các quy định nêu trên, trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội thuộc về người sử dụng lao động là Công ty B.Braun.

Như vậy, lẽ ra trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hợp đồng

lao động, Công ty B.Braun có Văn phòng đại diện phải có trách nhiệm thanh toán, giao trả đầy đủ những gì có liên quan đến quyền lợi của bà C. Tuy nhiên, đến ngày 17/02/2022 bà C mới nhận được quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, ngày 23/3/2022 bà C mới nhận được sổ BHXH do Văn phòng đại diện giao. Do đó, Công ty B.Braun đã vi phạm thời hạn gửi quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, sổ BHXH theo quy định của pháp luật. Văn phòng cho rằng sổ BHXH gặp nhiều khó khăn nhưng không cung cấp căn cứ chứng minh. Theo BHXH quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp, ngày 11/2/2022 bàn giao giấy tờ cho Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh. Văn phòng tại Hà Nội phối hợp các thủ tục chốt sổ BHXH cho bà C. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của Văn phòng đại diện Công ty B.BHD tại Hà Nội là bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ngày 06/01/2020, bà C và Văn phòng đại diện thỏa thuận ký kết Hợp đồng lao động số/No. 1278/2020, loại hợp đồng không xác định thời hạn, mức lương hàng tháng là 10.003.000 đồng. Tuy hợp đồng lao động được hai bên ký kết vào ngày 06/01/2020 nhưng cả hai bên đều trình bày thống nhất bà C làm việc tại Văn phòng đại diện và đóng BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp tại bảo hiểm xã hội quận Đ Hà Nội từ ngày 01/02/2012 đến ngày 30/3/2021. Đến ngày 17/02/2021, bà C có đơn xin nghỉ việc và được Văn phòng đại diện đồng ý quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà C từ ngày 30/3/2021. Hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Bộ luật Lao động năm 2019.

Trong quá trình lao động, bà C có tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp, sau khi chấm dứt hợp đồng lao động, bà C chưa tìm được việc làm mới. Do đó, bà C có quyền yêu cầu để được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định tại khoản 1, 2, 4 Điều 49 Luật Việc làm năm 2013.

Tuy nhiên, tại khoản 3 Điều 49 Luật Việc làm quy định người yêu cầu phải nộp hồ sơ tại Trung tâm D1. Theo khoản 1 Điều 46 Luật Việc làm thì “*Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc, người lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Trung tâm dịch vụ việc làm do cơ quan quản lý Nhà nước về việc làm thành lập*”.

Về hồ sơ nộp hưởng trợ cấp thất nghiệp, Điều 16 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ; khoản 6 Điều 1 Nghị định 61/2020/NĐ-CP ngày

29/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 28 quy định:

Điều 16. Hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp (Nghị định 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015)

1. Đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp theo mẫu do Bộ trưởng Bộ L - Thương binh và Xã hội quy định.

2. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực của một trong các giấy tờ sau đây xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc:

a) Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã hết hạn hoặc đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động;

b) Quyết định thôi việc;

c) Quyết định sa thải;

d) Quyết định kỷ luật buộc thôi việc;

đ) Thông báo hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc. Trường hợp người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 43 Luật Việc làm thì giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực của hợp đồng đó.

3. Sổ bảo hiểm xã hội.

Tổ chức bảo hiểm xã hội thực hiện xác nhận về việc đóng bảo hiểm thất nghiệp và trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của người sử dụng lao động. Đối với người sử dụng lao động là các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Q, Bộ C1 thì trong thời hạn 30 ngày, Bảo hiểm xã hội Bộ Q, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân thực hiện xác nhận về việc đóng bảo hiểm thất nghiệp và trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động kể từ ngày nhận được đề nghị của người sử dụng lao động.

Điều 17. Nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp (Nghị định 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015)

1. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc, người lao động chưa có việc làm và có nhu cầu hưởng trợ cấp thất nghiệp phải trực tiếp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp theo đúng quy định tại Điều 16 của Nghị định này cho trung tâm D1 tại địa phương nơi người lao động muốn nhận trợ cấp thất nghiệp.

2. Người lao động được ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ theo đường bưu điện nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Ốm đau, thai sản có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền;

b) Bị tai nạn có xác nhận của cảnh sát giao thông hoặc cơ sở y tế có thẩm quyền;

c) Hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, dịch họa, dịch bệnh có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Ngày nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ

cấp thất nghiệp trong các trường hợp nêu trên là ngày người được ủy quyền trực tiếp nộp hồ sơ hoặc ngày ghi trên dấu bưu điện đối với trường hợp gửi theo đường bưu điện.

3. Trung tâm dịch vụ việc làm có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, ghi phiếu hẹn trả kết quả theo mẫu do Bộ trưởng Bộ L - Thương binh và Xã hội quy định và trao phiếu trực tiếp cho người nộp hồ sơ hoặc gửi qua đường bưu điện đối với người nộp hồ sơ qua đường bưu điện; trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định tại Điều 16 Nghị định này thì trả lại người nộp và nêu rõ lý do.

Khoản 6 Điều 1 Nghị định 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020: Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 16

“2. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của một trong các giấy tờ sau đây xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc:

a) Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã hết hạn hoặc đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động;

b) Quyết định thôi việc;

c) Quyết định sa thải;

d) Quyết định kỷ luật buộc thôi việc;

đ) Thông báo hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc;

e) Xác nhận của người sử dụng lao động trong đó có nội dung cụ thể về thông tin của người lao động; loại hợp đồng lao động đã ký; lý do, thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động;

g) Xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp hoặc hợp tác xã giải thể, phá sản hoặc quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh được bổ nhiệm trong trường hợp người lao động là người quản lý doanh nghiệp, quản lý hợp tác xã;

h) Trường hợp người lao động không có các giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động do đơn vị sử dụng lao động không có người đại diện theo pháp luật và người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền thì thực hiện theo quy trình sau:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh gửi văn bản yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư xác nhận đơn vị sử dụng lao động không có người đại diện theo pháp luật hoặc không có người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan công an, chính quyền địa phương nơi đơn vị sử dụng lao động đặt trụ sở chính thực hiện xác minh nội dung đơn vị sử dụng lao động không có người đại diện theo pháp luật hoặc không có người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền. Sở Kế hoạch và

Đầu tư gửi văn bản trả lời cho Sở L1 cấp tỉnh về nội dung đơn vị sử dụng lao động không có người đại diện theo pháp luật hoặc không có người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xác nhận của Sở L1 hoặc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh.

i) Trường hợp người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 43 Luật Việc làm thì giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của hợp đồng đó.”

[2.2] Ngày 15/6/2022, Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh D1 nhận được hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp của bà C, cùng ngày Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh D1 ban hành Thông báo số 900/TB-TTĐVVL thông báo trường hợp bà C không được hưởng trợ cấp thất nghiệp lý do bà không đáp ứng đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp (theo quy định tại khoản 1 Điều 46, khoản 3 Điều 49 của Luật việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 và khoản 1 Điều 17 của Nghị định 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015).

[2.3] Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định: *“Người sử dụng lao động phối hợp với cơ quan Bảo hiểm xã hội trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động, xác nhận thời gian đóng Bảo hiểm xã hội khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật.”*

Theo điểm a khoản 3 Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2019 người sử dụng lao động có trách nhiệm *“a. Hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và trả lại cùng với bản chính giấy tờ khác nếu người sử dụng lao động đã giữ của người lao động;”*.

Về thời gian chốt sổ BHXH, theo khoản 1 Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: *“Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động, hai bên có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản tiền có liên quan đến quyền lợi của mỗi bên”*.

Theo các quy định nêu trên, lẽ ra trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty B.Braun có Văn phòng đại diện phải có trách nhiệm thanh toán, giao trả đầy đủ những gì có liên quan đến quyền lợi của bà C. Tuy nhiên, đến ngày 17/02/2022 bà C mới nhận được quyết định chấm dứt hợp đồng lao động do đó, Công ty B.Braun đã vi phạm thời hạn gửi quyết định chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

[2.4] Còn sổ BHXH: Bảo hiểm xã hội quận Đ chốt sổ ngày 03/3/2022, bị đơn đã giao trả cho nguyên đơn và nguyên đơn đã xác nhận nhận được hồ sơ tại email của nguyên đơn ngày 23/3/2022.

Hồ sơ BHXH của Nguyên đơn có rất nhiều vấn đề: mất sổ, có nhiều hơn 01 sổ sổ BHXH, đóng trùng tại đơn vị cũ đã giải thể và bị cơ quan BHXH quản lý đơn vị cũ từ chối chốt sổ như thể hiện trong Thông báo kết quả giải quyết hồ sơ năm 2021 của B được Nguyên đơn kê khai trong Tờ khai TK1-TS ngày 14/4/2021 và

Văn bản số 803/BHXXH ngày 03/10/2023 của BHXXH quận Đ, Hà Nội. Nguyên đơn đã tự ký vào tờ khai mẫu TK1-TS ngày 14/4/2021 gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội quận Đ, Hà Nội, ghi rõ yêu cầu: “*Giảm trùng tháng 06/2009, cấp lại sổ BHXXH và chốt sổ. Do các đơn vị cũ đã giải thể, tôi đã nộp hồ sơ lên B đề nghị giảm trùng và cấp lại sổ nhưng bị từ chối*” và tự tóm tắt quá trình đóng BHXXH ghi rõ có 3 sổ sổ BHXXH là 0202081027, 0207058507, và 8308002522, cũng như tại Mục số [19] trên tờ khai ghi hồ sơ kèm theo có bản Thông báo kết quả giải quyết hồ sơ của B. Nguyên đơn trước đó đã nắm được thông tin làm việc với B, và kết quả bị từ chối này dẫn đến hồ sơ mà Nguyên đơn nộp cho BHXXH quận Đ là không đầy đủ. Tiếp theo, ngày 19/4/2021, tại Hà Nội, để đảm bảo quyền lợi cho Nguyên đơn, Bị đơn vẫn hỗ trợ tiến hành gửi yêu cầu chốt sổ BHXXH lên cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị là BHXXH quận Đ, số hồ sơ 55379.BD/2021/00106, theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả của BHXXH quận Đ. Ngày 6/5/2021, BHXXH Quận Đ từ chối yêu cầu chốt sổ của bà C tại Thông báo trả lời số 80550/2021/00106/TBBHXXH, Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ số 55379.00106/2021/HDHS, trong đó không nêu lý do và không có nội dung yêu cầu hoàn thiện. Theo đó, Bị đơn không thể tiếp tục xử lý hồ sơ của bà C. Trong văn bản số 803/BHXXH ngày 03/10/2023 của BHXXH quận Đ, Hà Nội cung cấp thông tin theo yêu cầu của Tòa án về sau này, B đã giải thích về lý do chưa thể giải quyết đề nghị của bà C vì trên dữ liệu quản lý cho thấy bà C có 03 sổ BHXXH trong khi theo quy định thì mỗi người chỉ có 01 sổ BHXXH, và bị đóng trùng quá trình tham gia BHXXH. 02 sổ BHXXH đóng trùng và đã thanh toán BHXXH một lần bao gồm cả quá trình đóng trùng, mà cán bộ nghiệp vụ của B không đủ thẩm quyền để xử lý được, vậy đã trả lại hồ sơ. Thời gian tồn tại của 03 sổ sổ BHXXH này cũng như thời gian đóng trùng và 02 sổ BHXXH đã thanh toán BHXXH một lần, như chi tiết nêu tại Tờ khai TK1-TS ngày 14/4/2021 của bà C, có thể thấy là đã phát sinh và tồn tại từ rất lâu trước khi có quan hệ lao động giữa Nguyên đơn và Bị đơn. Đến tháng 2/2022, BHXXH Thành phố H mới hoàn thành việc chốt sổ cho Nguyên đơn tại đơn vị công tác cũ, với sự hỗ trợ của Bị đơn thông qua việc liên hệ với các đơn vị công tác cũ, khi đó BHXXH Thành phố H đã giao nhận tờ rời sổ BHXXH của Nguyên đơn, theo biên bản giao nhận tờ rời sổ BHXXH ngày 11/2/2022. Nhờ có việc chốt sổ BHXXH của đơn vị công tác cũ của Nguyên đơn tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, thì tiếp theo Bị đơn mới nhận được đủ giấy tờ hồ sơ cần thiết để tiến hành thủ tục chốt sổ tại BHXXH quận Đ, Hà Nội, và thủ tục chốt sổ hoàn thành ngày 3/3/2022 như được ghi trên sổ BHXXH, và gửi cho Nguyên đơn. Ngày 23/3/2022, Nguyên đơn gửi email thông báo đã nhận được sổ BHXXH.

[2.5] Xét yếu tố lỗi trong việc chậm giao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và sổ bảo hiểm:

Công ty B.Braun đã vi phạm thời hạn gửi quyết định chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

Bị đơn cho rằng bà C có nhiều sổ BHXXH và có thời gian bị đóng trùng BHXXH với đơn vị cũ là Nhà thuốc H (Bến Tre) tháng 6/2009, trùng với thời gian làm việc cho Công ty B Chi nhánh Thành phố H nên việc thực hiện chốt sổ BHXXH cho bà C gặp nhiều khó khăn, hồ sơ bị trả lại rất nhiều lần để sửa đổi, bổ sung bởi nhiều cơ quan BHXXH có liên quan như Bến Tre, thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì từ ngày 06/5/2021 - sau khi BHXH quận Đ từ chối giải quyết hồ sơ của bà C đến khi Văn phòng BHXH Thành phố H bàn giao tờ rời BHXH theo biên bản ngày 11/02/2022 cho Chi nhánh Công ty TNHH B tại Thành phố Hồ Chí Minh thì không thể hiện việc Công ty B.Braun có sự phối hợp với BHXH quận Đ để tiếp tục tiến hành các thủ tục cần thiết để chốt sổ bảo hiểm của bà C (BL 44). Bà C nộp hồ sơ cho BHXH tỉnh B ngày 14/3/2023 gộp sổ BHXH người tham gia BHXH, BHYT, BHTN, hện trả ngày 23/5/2023. Khi nhận được chốt sổ hoàn thành của BHXH quận Đ, Hà Nội ngày 3/3/2022, ngày 15/6/2024 mới nộp cũng đã hết hạn.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, án sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty B.BHD có Văn phòng đại diện Công ty B.BHD tại Hà Nội, giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Công ty B.BHD phải chịu án phí 300.000 đồng do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 32, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 38, điểm đ khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 3 Điều 49, Điều 50 Luật Việc làm;

Căn cứ Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Tòa án nhân dân số 81/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, Đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2025/UBTV QH15 phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc thành lập các Tòa phúc thẩm, Cục, Vụ và tương đương, Cơ quan báo chí của Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty B.BHD có Văn phòng đại diện Công ty B.BHD tại Hà Nội.

Giữ nguyên quyết định của Bản án lao động sơ thẩm số 01/2024/LĐ-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu C đối với bị đơn Công ty B.BHD có Văn phòng đại diện Công ty B.BHD tại Hà Nội.

Buộc Công ty B.BHD có Văn phòng đại diện Công ty B SDN.BHD tại Hà Nội có nghĩa vụ bồi thường cho bà Phạm Thị Thu C số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Buộc Công ty B.BHD có Văn phòng đại diện Công ty B.Braun Medical Industries SDN.BHD tại Hà Nội chịu $3\% \times 60.000.000$ đồng = 1.800.000 đồng.

3. Về án phí lao động phúc thẩm: Công ty B.BHD phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005550 ngày 26/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho bên được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm VKSNDTC tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- các đương sự;
- Lưu VP, HS, NTTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương

